

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SAU NĂM 2000

NGHIÊM CÔNG

Cán bộ hưu trí

Đồng thời với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, ngay trong năm đầu thực hiện chiến lược đổi mới toàn diện đất nước, Nhà nước ta đã tiến hành đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ (KH&CN). Ngày 31-8-1987, Hội đồng bộ trưởng ban hành Quyết định 134-HĐBT về "Một số biện pháp khuyến khích hoạt động khoa học và kỹ thuật" đã khẳng định quyền được tiến hành liên doanh, liên kết; cho phép cơ quan nghiên cứu-triển khai, các cán bộ KH&CN ký kết và thực hiện hợp đồng với tất cả các tổ chức kinh tế, xã hội; qui định rõ việc phân chia lợi nhuận khi ứng dụng thành công các kỹ thuật tiến bộ (KTTB) cho tác giả, cơ quan nghiên cứu-triển khai và cơ sở sản xuất.

Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý KH&CN, ngày 28/1/1992 Hội đồng bộ trưởng đã ban hành Nghị định số 35-HĐBT về công tác quản lý KH&CN. Nhưng biện pháp khuyến khích hoạt động KH&CN qui định trong Nghị định có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Với Nghị định này, lần đầu tiên Nhà nước ghi nhận quyền của các tổ chức KH&CN, các tập thể khoa học, các nhà khoa học, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, lực lượng vũ trang và mọi công dân được bình đẳng tiến hành các hoạt động KH&CN, thành lập các tổ chức KH&CN. Tiếp đến, Quyết định số 419-TTg ngày 21-7-1995 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã qui định về việc phân công, phân cấp trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch KH&CN giai đoạn 1996-2000, quyền chủ động sử dụng kinh phí hoạt động KH&CN do ngân sách Nhà nước cấp cho các ngành và địa phương.

Trong hơn 10 năm đổi mới, Bộ KH, CN & MT và các bộ hữu quan đã ban hành nhiều thông tư liên tịch, chỉ thị, quyết định để cụ thể hoá các chủ trương, biện pháp chính sách của Chính phủ nhằm khuyến khích việc nghiên cứu tạo ra và tổ chức ứng dụng nhanh chóng các kết quả nghiên cứu, các KTTB vào sản xuất và đời sống; phát triển nguồn nhân lực KH&CN, tăng đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật, thực hiện các biện pháp chính sách khuyến khích (miễn giảm thuế, tín dụng ưu đãi, tăng cường công tác thông tin và mở rộng quan hệ quốc tế về KH&CN...).

Qua thực tiễn hoạt động KH&CN trong thời kỳ đổi mới, theo chúng tôi cơ chế quản lý KH&CN cũng đã bộc lộ một số nhược điểm và hạn chế sau:

- Các biện pháp quản lý hoạt động KH&CN được thực thi chủ yếu trong khu vực Nhà nước (cơ quan, viện, trường đại học, cơ sở sản xuất kinh doanh của nhà nước);
- Kinh phí đảm bảo cho các hoạt động KH&CN hầu hết lấy từ ngân sách Nhà nước, vốn đã ít lại cấp phát không kịp thời; vốn huy động từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế chưa có bao nhiêu;
- Các biện pháp chính sách và phương thức quản lý chưa phù hợp với đặc điểm hoạt động của các lĩnh vực khoa học (tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ, xã hội và nhân văn);
- Người trực tiếp nghiên cứu chưa được

Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ là một trong những công tác trọng tâm của Bộ khoa học, công nghệ và môi trường trong năm 2000. Bộ khoa học, công nghệ và môi trường đang rất khẩn trương nhằm đưa ra một cơ chế quản lý khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, phục vụ tốt công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước trong những năm đầu của thế kỷ XXI, thiên niên kỷ thứ 3. Mục tiêu, yêu cầu và nội dung của đổi mới này ra sao là nội dung và tạp chí muốn chuyển tải tới bạn đọc qua bài viết của ông Nghiêm Công, nguyên chuyên viên của Viện nghiên cứu chiến lược chính sách khoa học và công nghệ.

Những vấn đề mà tác giả đưa ra chúng tôi mong nhận được sự trao đổi của bạn đọc ở mọi miền đất nước. Bản báo xin sẵn lòng đăng tải ý kiến của bạn đọc gửi đến quanh chủ đề này.

hưởng lợi ích (vật chất và cả tinh thần) một cách thoả đáng;

- Thủ tục quản lý rườm rà, việc đánh giá kết quả nghiên cứu còn có biểu hiện thiếu khách quan, nể nang.

Để xây dựng cơ chế quản lý KH&CN phù hợp, tạo động lực thúc đẩy KH&CN phát triển, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà, trong giai đoạn trước mắt 2001-2005, theo chúng tôi cần xác định:

Yêu cầu

■ Phải phù hợp với cơ chế quản lý nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN để thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần; thúc đẩy sự phát triển một số lĩnh vực công nghệ quan trọng, chủ chốt để thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

■ Phải phù hợp với đặc điểm hoạt động của các lĩnh vực khoa học (tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ, xã hội và nhân văn). Ngoài cơ chế chung quản lý các hoạt động KH&CN, mỗi lĩnh vực khoa học cần thực thi các biện pháp chính sách, phương thức quản lý cụ thể, phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển đối với từng lĩnh vực khoa học.

■ Chuyển đổi một bước quan trọng trong việc thực thi chức năng quản lý Nhà nước ở tầm vĩ mô, tránh can thiệp trực tiếp quá sâu vào quá trình xây dựng, bảo vệ, thực hiện nhiệm vụ KH&CN của cơ sở, đẩy

manh việc phân công, phân cấp quản lý KH&CN, thực hiện quản lý Nhà nước các hoạt động KH&CN chủ yếu bằng pháp luật với một hệ thống chính sách phát triển KH&CN thống nhất để định hướng và khuyến khích mọi thành phần kinh tế tiến hành các hoạt động KH&CN; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật KH&CN.

■ Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư cho KH&CN, đồng thời có chính sách huy động được nhiều nguồn vốn của các thành phần kinh tế, đặc biệt là nguồn vốn của các cơ sở sản xuất, kinh doanh đầu tư cho phát triển KH&CN, phục vụ trực tiếp cho việc đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao năng suất, chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

Mục tiêu

Cơ chế quản lý KH&CN vận hành trong giai đoạn 2001-2005 cần hướng vào mục tiêu sau:

■ Khuyến khích mạnh mẽ các cơ quan KH&CN, các nhà khoa học và các tập thể khoa học thuộc mọi thành phần kinh tế hăng hái nghiên cứu sáng tạo, tổ chức đưa nhanh các kết quả nghiên cứu, KTTB vào sản xuất và đời sống; nhanh chóng nắm bắt, làm chủ công nghệ nhập và chuyển giao công nghệ.

■ Góp phần tích cực vào việc nhanh chóng nâng cao trình độ công nghệ sản xuất của đất nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam trên thị trường trong nước và thị trường khu vực, quốc tế:

■ Tăng nhanh tiềm lực KH&CN của đất nước (nhân lực, cơ sở vật chất-kỹ thuật, thông tin và quan hệ quốc tế...).

Một số nội dung của cơ chế quản lý KH&CN mới

Theo chúng tôi cần tập trung nghiên cứu và ban hành trong năm tới để làm cơ sở cho việc vận hành cơ chế quản lý KH&CN trong giai đoạn 2001 - 2005, cụ thể:

● Xác định *một cơ cấu đầu tư hợp lý* từ ngân sách Nhà nước cho KH&CN, đặc biệt quan tâm đảm bảo kinh phí thích đáng cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các cơ

quan KH&CN (cơ sở thử nghiệm, đo lường kiểm nghiệm; thông tin, tư liệu; chú trọng việc xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia).

● Thiết lập được các *nguyên tắc và qui trình lựa chọn nhiệm vụ KH&CN* (đề tài, đề án) phù hợp cho từng lĩnh vực hoạt động (nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ) trên cơ sở các định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển KH&CN.

● Việc *cấp phát tài chính* để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu *theo nguyên tắc*: Ngân sách đầu tư cho KH&CN hàng năm do Bộ KH, CN&MT phân bổ cho các bộ ngành, các địa phương do các ngành, địa phương quản lý và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng. Bộ KH, CN&MT chỉ trực tiếp quản lý phần kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của Nhà nước. Cần có kinh phí đặt riêng trong một khoản mục hoặc một quỹ khoa học để *hỗ trợ* cho các nhà khoa học, các tập thể khoa học thực hiện các ý tưởng, các phát kiến khoa học, các nghiên cứu đột xuất.

● Thực hiện một cơ chế *đánh giá kết quả nghiên cứu* khách quan, trung thực, công khai, đặc biệt chú trọng việc đánh giá và nghiệm thu kết quả các nhiệm vụ KH&CN (đề tài, đề án) của quốc gia: Phải đăng tóm tắt các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trước khi tổ chức nghiệm thu (trừ một số công trình cần bảo mật theo luật định); người phản biện không phải là cán bộ của cơ quan nghiên cứu chủ trì, cán bộ của cơ quan quản lý tổ chức nghiệm thu hoặc thành viên hội đồng nghiệm thu; thành viên hội đồng nghiệm thu cấp trên không có cán bộ của cơ quan nghiên cứu chủ trì, cán bộ tham gia đề tài, đề án tham gia.

● Thực hiện *các biện pháp chính sách kinh tế* khuyến khích mạnh mẽ nghiên cứu tạo ra và ứng dụng nhanh chóng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất và đời sống, trong đó đặc biệt chú trọng tới chế độ vay tín dụng ưu đãi, chế độ miễn giảm thuế đối với các sản phẩm chế thử, sản phẩm công nghệ cao lần đầu sản xuất, các sản phẩm sản xuất từ các kết quả nghiên cứu; chế độ phân phối lợi

(Xem tiếp trang 46)

KHÓA HỢP LẦN THỨ 2 CỦA ỦY BAN HỢP TÁC KH&CN VIỆT NAM - BELARUS

Khóa hợp lần thứ 2 của Ủy ban hợp tác KH&CN Việt Nam - Belarus được tiến hành trong thời gian từ ngày 15 - 20 tháng 11 năm 1999 tại Min-xơ, thủ đô nước Cộng hòa Belarus.

Đoàn Việt Nam do Thứ trưởng Bộ KH, CN&MT, Bùi Mạnh Hải Chủ tịch phân ban Việt Nam làm trưởng đoàn. Đoàn Belarus do Tiến sĩ V.P. Bôi-côv, Phó chủ nhiệm thứ nhất Ủy ban KH&CN Belarus, Chủ tịch phân ban Belarus làm trưởng đoàn.

Khóa hợp đã điểm lại tình hình hợp tác giữa hai nước trong thời gian qua và quyết định chương trình hợp tác cũng như kế hoạch hoạt động của Ủy ban cho những năm tới. Khóa hợp nhất tri đánh giá kết quả hoạt động của Ủy ban trong năm qua có những bước tiến đáng kể, đặc biệt sau những chuyến viếng thăm lẫn nhau của Tổng thống Lukasenco và Chủ tịch Trần Đức Lương.

Khóa hợp thông qua 13 dự án hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực chế tạo máy, vật liệu mới, vi điện tử và bảo vệ môi trường sinh thái mà hai bên cùng quan tâm cho những năm tới thông qua các hình thức trao đổi thông tin và cán bộ khoa học, đào tạo cán bộ và tổ chức triển lãm.

Trong thời gian ở Min-xơ đoàn đã đến thăm và làm việc với Viện hàn lâm khoa học, Bộ giáo dục, Bộ tài nguyên và môi trường Belarus; thăm một số viện nghiên cứu, trường đại học, khu bảo tồn sinh thái Bê-rê-zin-xki và triển lãm các sáng chế phát minh của các xí nghiệp vừa và nhỏ.

Viện sĩ Gai-sio-nôv, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban KH&CN Belarus đã tiếp thân mật đoàn và chứng kiến lễ ký Biên bản khóa hợp.

Khóa hợp đã diễn ra trong bầu không khí hữu nghị, hợp tác và hiểu biết lẫn nhau.

Lê Dũng
Vụ quan hệ quốc tế